

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
(Áp dụng cho đơn vị sử dụng nước)

A. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên đơn vị sử dụng nước: Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam
- 2. Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, Phường Phú Mỹ, TP HCM.
- 3. Công suất bể chứa: 20.000 m3 / Tổng số nhân viên được cung cấp nước: 755
- 4. Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ
- 5. Thời gian kiểm tra: ngày 20 tháng 08 năm 2026
- 6. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 2 mẫu, mẫu 1 lấy tại bể chứa, mẫu 2 lấy tại vòi nước.

B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn QCVN 01- 1:2024/BYT	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Thông số nhóm A					
	a. Thông số vi sinh vật					
1	Coliform tổng số	<1	<1	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1	Đạt
2	E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt	<1	<1	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1	Đạt
	b. Thông số cảm quan và hoá học					
3	Màu sắc	8	4	TCU	≤ 15	Đạt
4	Mùi (*)	**	**	-	**	Đạt
5	pH (*)	7,48	7,52	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt
6	Độ đục	0,26	0,32	NTU	≤ 2	Đạt
7	Asen (Arsenic) (As)	KPH	KPH	mg/L	≤ 0,01	Đạt
8	Clo dư tự do (*)	0,85	0,78	mg/L	Trong khoảng 0,2- 1,0	Đạt
9	Permanganat	0,62	0,38	mg/L	≤ 2	Đạt
10	Amoni (NH3 và NH4 ⁺ tính theo N)	0,12	0,16	mg/L	≤ 1	Đạt
	Thông số nhóm B					
1	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	<1	<1	CFU/100mL	< 1	Đạt
2	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	<1	<1	CFU/100mL	< 1	Đạt

Ghi chú:

- *: Phương pháp thử trực tiếp tại hiện trường
- **: Không có mùi lạ, khó chịu
- TCU: Đơn vị đo màu sắc

- NTU: Đơn vị đo độ đục
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- KPH: Không phát hiện

C. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có)

.....Không.....

D. ĐỀ NGHỊ (nếu có):

.....Không.....

Phủ Mỹ, ngày 09 tháng 09 năm 2026

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)



Chang Po-Min

CHANG, PO-MIN

Phó Tổng quản lý Khối sản xuất

Results of Quality Internal Test of Clean Water Used for Domestic Purposes

(Applies to water consumer)

A. GENERAL INFORMATION

1. Name of water consumer: China Steel and Nippon Steel Vietnam Joint Stock Company
2. Address: My Xuan A2 Industrial Park, Phu My Ward, Ho Chi Minh City
3. Reservoir capacity: 20,000 m³ / Total employee supplied with water: 755
4. Name of water supplier: Phu My Water Supply Joint Stock Company
5. Sampling date: August 20, 2026
6. Number of samples and sampling locations: 2 samples; sample No.1 taken from clean water reservoir; sample No. 2 taken from the faucet.

B. WATER QUALITY TEST RESULTS

No.	Sample ID / Sampling Parameters	1	2		Unit	QCVN 01-1:2024/BYT Standard	Evaluation (pass/fail)
	Group A parameters						
	<i>a. Microbiological parameters</i>						
1	Total Coliform	<1	<1		CFU/100 mL or MPN/100mL	< 1	Pass
2	Thermotolerant <i>E.coli</i> or Coliform	<1	<1		CFU/100 mL or MPN/100mL	< 1	Pass
	<i>b. Sensory and chemical parameters</i>						
3	Color	8	4		TCU	≤ 15	Pass
4	Odor (*)	**	**		-	**	Pass
5	pH (*)	7.48	7.52		-	Between 6.0 – 8.5	Pass
6	Turbidity	0.26	0.32		NTU	≤ 2	Pass
7	Arsenic (As)	KPH	KPH		mg/L	≤ 0.01	Pass
8	Free chlorine (*)	0.85	0.78		mg/L	Between 0.2 – 1.0	Pass
9	Permanganate	0.62	0.38		mg/L	≤ 2	Pass
10	Ammonia (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N)	0.12	0.16		mg/L	≤ 1	Pass
	Group B parameters						
1	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	<1	<1		CFU/100mL	< 1	Pass
2	<i>Staphylococcus aureus</i>	<1	<1		CFU/100mL	< 1	Pass

Note:

- *: On-site direct testing method
- **: No abnormal odor
- TCU: True Color Unit
- NTU: Nephelometric Turbidity Unit
- CFU: Colony Form Unit
- KPH: Negative

C. CORRECTIVE MEASURES (if any)

.....No.....

D. RECOMMENDATIONS (if any):

.....No.....

Phu My, date 09 month 09 year 2026

Prepared by

(Signature and full name)



CHANG PO-MIN

Assistant Vice President of Production Division